



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng *Pioneer Shipbrokers* có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 10/ 2019

05/03/2019- 11/03/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này giảm nhẹ dưới mức 650 điểm. Như vậy đã 6 tuần liên tục chỉ số BDI dưới mốc 700 điểm. Giá tàu handymax hiện nay đã thấp hơn giá tàu handysize cùng tuổi. Đơn cử tàu Nikoforos (45.693 dwt đóng 1996 Nhật, hạn DD 3/2019) bán cho người Mua Trung Quốc giá chỉ 3,3 triệu đô la Mỹ, gần bằng giá sắt vụn. Thông tin tàu Global Prosperity (33.721 dwt đóng 2006 Nhật, đặt ký tháng 9/2004) bán cho người Mua Việt Nam giá 8,4-8,5 triệu đô la Mỹ là không chính xác. Tàu vẫn đang chào bán trên thị trường và chủ tàu Nhật đang mời khảo sát. Hiện nay lượng tàu handysize chào bán tương đối nhiều, trải dài ở tất cả phân khúc và tất cả độ tuổi (từ 5 đến 20 tuổi). Phân khúc tàu bách hóa vẫn khan hiếm các thương vụ được ghi nhận, đa phần các chủ tàu vẫn giữ giá, không giảm nhiều như người mua mong muốn, các tàu đóng từ 2006 trở đi hiện khó bán do giá trị còn lại tương đối cao.

Ở mảng tàu dầu, theo ghi nhận gần đây, với sự khởi sắc của thị trường thuê tàu chở dầu thô cùng với nhu cầu ổn định từ phía người mua đã giúp cho giá trị tàu VLCC nói riêng tăng nhẹ trên thị trường mua bán. Đối với phân khúc tàu chở dầu thành phẩm, ghi nhận chủ tàu Formosa đã ký kết bán thành công hai tàu cỡ LR1, FPMC P Fortune và FPMC P Eagle (74.840 dwt đóng 2009 Hàn Quốc), cho người mua Hy Lạp với giá 16,1 triệu đô la Mỹ mỗi tàu. Bên cạnh đó, tàu cỡ MR High Force (53.603 dwt đóng 2009 Nhật) đã được chủ tàu Nhật – Mitsui Soko bán cho người mua Đan Mạch với giá 16,4 triệu đô la Mỹ.

Người mua Việt Nam đã mua tàu khí hóa lỏng cỡ lớn VLGC Ocean Orchid (78.000 cbm đóng 2001 Nhật)

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
FH Fang Cheng	2015	China	81,458	Undisclosed	15.67	enbloc
FH Ri Zhao	2015	China	79,489		15.67	enbloc
Zhen Bang	2015	China	79,343		15.67	enbloc
Primrose	2001	China	74,716	Chinese	5.30	Auction sale
Ocean Neeraj	2018	China	64,000	Chinese, Minsheng Leasing	22.00	
Malmo	2010	Japan	61,414	Hong Kong, Pacific Basin	34.00	enbloc with Melbourne
Melbourne	2011	Japan	61,414			enbloc with Malmo

Korean Lily	2010	Japan	58,713	Greek	14.40	
Ghent	2011	China	58,110	Undisclosed	Undisclosed	
Stove Caledonia	2010	Philippines	58,092	Greek	14.30	Blt at Tsuneishi shipyard
Solar King	2013	China	57,450	Korean	11.80	
Solar Jade	2013	China	56,501	Korean	11.80	
Oxygen	2009	Japan	55,525	Greek, Baru Delta Maritime	13.50	
Nikiforos	1996	Japan	45,693	Undisclosed	3.30	
Lucy Oldendorff	2011	China	32,491	Undisclosed	Undisclosed	SS/DD Jan 2021, German owner
TANKERS						
Olympic Legacy	1996	Japan	302,789	Nigerian	19.00	
Hildegard	1999	Korea	99,123	Undisclosed	8.70	
FPMC P Fortune	2009	Korea	74,862	Greek, Centrofin	16.10	enbloc with FPMC P Eagle
FPMC P Eagle	2009	Korea	74,863		16.10	enbloc with FPMC P Fortune
High Force	2009	Japan	53,603	Danish	16.40	
Cape Beale	2005	Korea	40,327	Undisclosed	18.00	Chemical IMO III, epoxy coated, SS/DD Mar 2020, enbloc with Cape Brasilia
Cape Brasilia	2006	Korea	40,327			Chemical IMO III, epoxy coated, SS/DD Mar 2021, enbloc with Cape Beale
Emmanuel Tomasos	2002	Korea	37,113	Indonesian, Waruna	6.00	Chemical IMO III, epoxy coated, SS Jul 2022, DD Jul 2020
Rizopon	1999	China	34,999	Undisclosed	4.75	Epoxy coated, SS/DD due Nov 2019, Greek owner
Omair	2004	Japan	13,034	Greek	5.50	Chemical IMO II/III, stainless steel, SS/DD due Dec 2019
Coastal Jupiter	2013	China	5,518	Singaporean, Hong Lam	4.50	Epoxy coated, SS/DD passed Oct 2018, Singaporean owner
CONTAINERS						
OTHERS						

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	80,000 dwt	34.00	2	Namura, Japan	Undisclosed	2021	
Bulker	59,900 dwt	Undisclosed	1	Oshima, Japan	Japanese, NYK	2021	
LNG	20,000 cbm	50.00	6	CIMC SOE, China	Bermuda, Avenir LNG	2021	
Tanker	5,000 dwt	Undisclosed	1	JMU, Japan	Japanese, Ecobunker Shipping	2021	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc tàu **Panamax** bắt đầu tuần mạnh mẽ nhu cầu thuê tài lại giảm đi vào thời điểm cuối tuần, cuối cùng đóng cửa ở mức 7.195 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, Rio Tinto chốt Madreus (98.681 dwt, 2011) nhận tàu tại Fangcheng qua North Australia trả lại tại North China với giá 12.000 đô la Mỹ. JSSSC chốt YM Effort (81.702 dwt, 2008) nhận tàu tại Sual qua East Coast Australia trả tàu tại China với giá 9.500 đô la Mỹ. Vừa qua là một tuần trầm lắng của thị trường tại khu vực Đại Tây Dương mặc dù giá cước một chiều vẫn giữ được sự ổn định. Klaveness chốt Tiger North (76.000 dwt, 2013) nhận tàu tại Barcarena đi Continent với giá 10.650 đô la Mỹ. Olam chốt Da Ying (75.318 dwt, 2003) nhận tàu tại East Coast Nam Mỹ trả tàu tại Singapore Japan với giá 13.000 đô la Mỹ cộng với 300.000 đô la Mỹ bb. Norden cũng chốt Mastro Nikos (82.177 dwt, 2011) nhận tàu tại US Gulf đi South East Asia với giá 14.000 đô la Mỹ cộng với 400.000 đô la Mỹ bb. Về thị trường thuê định hạn, Oldendorff chốt Magic P (76,453 dwt, 2004) nhận tàu tại Chang Jiang Kou và khai thác trong 5/8 tháng sau đó trả tàu tại nơi bất kì ở mức 9.000 đô la Mỹ trong 30 ngày đầu tiên, 11.250 đô la Mỹ cho khoảng thời gian thuê sau đó.

Phân khúc tàu **Supramax** tiếp tục tăng trong tuần này và đóng cửa ở mức 8.777 đô la Mỹ, tăng so với tuần trước 8.434 đô la Mỹ. Điều này đến từ mức thuê khởi sắc ở các khu vực East Coast South America & Black Sea thuộc Đại Tây Dương. TN Sunrise (60.948 dwt, 2015) được chốt nhận tàu tại Egypt Mediterranean đi qua Black Sea trả tàu tại China với giá 17.000 đô la Mỹ. Pacific Talent (61.408 dwt, 5016) được chốt nhận tàu tại US East Coast đi East Mediterranean với giá 10.000 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, ER Nazire (56.715 dwt, 2010) nhận tàu tại Gresik đi qua Indonesia và trả tàu tại West Coast India với giá 10.000 đô la Mỹ. Panocean chốt Melinda (57.981 dwt, 2012) nhận tàu tại Durban đi West Coast India với giá 10.500 đô la Mỹ cộng với 160.000 đô la Mỹ bb.

Phân khúc tàu **Handy** đóng cửa tuần ở mức 6.163 đô la Mỹ, tăng so với tuần trước 5.728 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Genco Ocean (34.402 dwt, 2010) được Cargill chốt nhận tàu tại Santos đi Casablanca với giá 9.500 đô la Mỹ, cho thấy sự cải thiện về mức cước so với cuộc giao dịch đầu tuần giữa Pacific Basin chốt SFL Kent (34.601 dwt, 2012) với hành trình tương tự vào mức 7.250 đô la Mỹ. Apollonia (28.741 dwt, 2002) được chốt một chuyến đi ra khỏi South Brazil đến Mediterranean với giá 7.250 đô la Mỹ. Ở Địa Trung Hải, Papua (31.817 dwt, 2003) chốt một chuyến hàng chở hàng xuyên Mediterranean đi Cannakkale ở mức 6.250 đô la Mỹ; nếu trả tàu tại phạm vi Marmara Aliaga hoặc nếu ở East Mediterranean ở mức 6.500 đô la Mỹ. Ra khỏi Continent, G2Ocean chốt Nord Savannah (37.067 dwt, 2013) nhận tàu Bremen đi Houston với giá 8.000 đô la Mỹ. Vào đầu tuần này, mức cước được ghi nhận diễn ra sôi nổi tại khu vực Thái Bình Dương, tuy nhiên điều này sớm vụt tắt vào cuối tuần. Ở khu vực Far East, Venture Goal (43.479 dwt, 2015) open tại Tomakomai được NoPac chốt một chuyến khứ hồi chở petcoke đi China với mức 10.000 đô la Mỹ. NYK chốt Afican Ibis (32.347 dwt, 2004) đi từ North Japan đến South East Asia ở mức 7.250 đô la Mỹ và mức cước tương tự được báo cáo qua Seas 5 (37,205 dwt, 2012) chở mặt hàng thép đi từ Japan đến South East Asia. Cũng có tin đồn về việc về size tàu 33k dwt đi từ North China vào India với giá 8.000 đô la Mỹ. Tại Đông Nam Á, Venture Grace (43.343 dwt, 2018) được chốt bởi BG Shipping cho một chuyến đi vòng quanh Australia và trả tàu tại Kwinana với giá 15.000 đô la Mỹ cộng với 30.000 đô la Mỹ bb. Fortuna chốt Dory (34.529 dwt, 2010) open tại Kohsichang đi gấp sang Pakistan với giá 7.250 đô la Mỹ và Leap Heart (28.383 dwt, 2012) chở mặt hàng đường nhận tàu tại Thái Lan đi South East Asia với mức 7.250 đô la Mỹ. Đối với thị trường thuê định hạn, Nordloire (37.212 dwt, 2013) được chốt nhận tàu tại Lorient và khai thác trong 4/6 tháng sau đó trả tại khu vực Atlantic ở mức 10.750 đô la Mỹ. Ít có ghi nhận nào về các giao dịch thuê định hạn tại khu vực Thái Bình Dương vì người thuê và chủ tàu chưa thể đạt được tiếng nói chung.

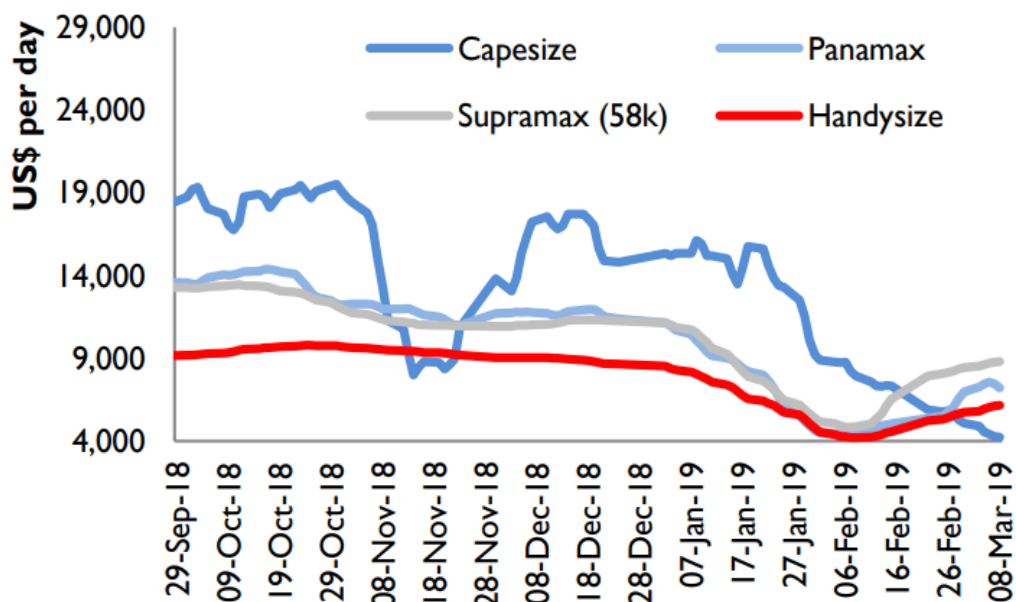
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 10 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 10	TUẦN 9	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 10)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 10)
TRANSATLANTIC RV	5,700	2,500	2,200	11,500
TCT CONT/F.EAST	13,000	10,800	1,200	19,000
TCT F.EAST/CONT	2,400	1,400	810	4,000
TCT F.EAST RV	9,000	6,300	4,400	10,000
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	8,000	7,000	5,000	15,500
PACIFIC RV	10,000	8,000	5,800	80,000
TCT CONT/F.EAST	13,000	12,000	12,000	18,000

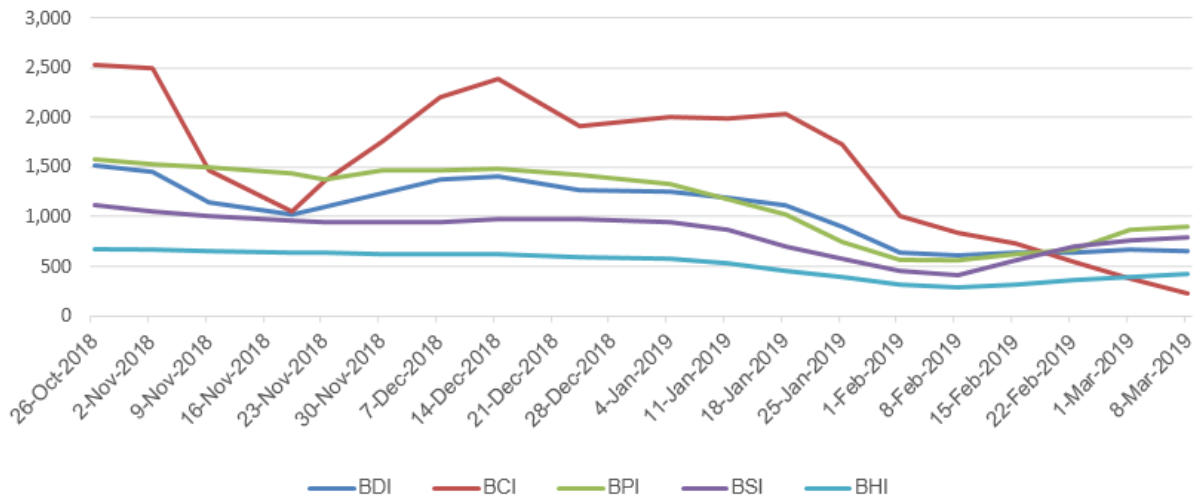
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 08/03/2019

	US\$/ngày	▼ / ▲	
CAPEXSIZE	4,236	▼	829
PANAMAX	7,195	▲	242
SUPRAMAX	8,777	▲	343
SMALL HANDY	6,163	▲	435

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2 Thị trường thuê tàu dầu:

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Sau một vài tuần sụt giảm, thị trường tàu VLCC đã quay trở lại mức ổn định với cước trung bình tăng lên trên tất cả các tuyến chính. Nguồn cung tàu đang được thắt chặt đã giúp cho cước trên tuyến Wafrika/East tăng nhanh trong tuần vừa qua với mức xấp xỉ \$40k/ngày được ghi nhận. Hiện tại, các nhà phân tích vẫn chưa thể khẳng định chắc chắn về xu hướng ổn định của thị trường VLCC trong giai đoạn này, liệu rằng thị trường sẽ ổn định lâu dài hay chỉ vụt tắt trong ngắn hạn.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	33,0	31,0	21,0	33,0
MEG/Japan	VLCC	66,5	63,0	44,0	70,0
MEG/Singapore	VLCC	69,0	64,0	44,0	71,5
WAFR/EAST	260.000	66,0	61,5	44,0	73,5

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	30.000	34.000	34.000	30.000

US\$

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Theo ghi nhận, cước tại khu vực Nsea và Baltic đang phải chịu nhiều sức ép trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, các kế hoạch hàng trong tuần thứ ba của tháng hóa tại Baltic đang được đánh giá ở mức cao hơn so với những tháng trước đó. Bên cạnh đó, thị trường Nsea cũng đang dần khởi sắc với cước được ghi nhận tăng nhanh cho những những đơn hàng ký kết sau ngày 15-20 tháng 3.

Cước tại khu vực Med và Bsea tiếp tục tăng kể từ tuần trước đó, đơn cử cước trên tuyến Novo-CPC/Med hiện đang ở mức WS 135. Trong khi đó, thị trường US đang có xu hướng giảm nhẹ.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	112,5	100,0	95,0	200,0
UK/Cont	80.000	107,5	110,0	95,0	140,0
Caribs/USG	70.000	100,0	145,0	100,0	240,0

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	18.750	18.500	18.750	18.000

US\$

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Nhìn chung, thị trường tàu MR ở khu vực phía đông tiếp tục theo xu hướng giảm trong tuần vừa qua. Đơn cử, cước từ khu vực WC.India đi Japan giảm 4 điểm xuống mức WS 116 và cước trên tuyến S.Korea/Japan cũng đã giảm xuống mức \$275'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC đã tăng hơn 20 điểm trong tuần vừa qua và hiện đang ở mức WS 145. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước giảm xuống mức WS 75.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	35.000	116,0	120,0	120,0	185,0
UKC-Med/States	37.000	145,0	122,5	120,0	140,0
USG/UKC-Med	38.000	75,0	95,0	80,5	145,0

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	13.250	13.500	13.500	13.250

US\$

3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	440		450	
2	India	430		440	
3	Pakistan	410		420	
4	Turkey	270		280	
5	China	150		160	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 10/2019

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Elise	Container	2006	20,000	Undisclosed	460.00	65,695	
Mourad Didouche	Gas	1980	11,410	Bangladesh	455.00	83,228	
Medelin Total	Tanker	1992	8,212	Bangladesh	435.00	41,476	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.